



QUY CHẾ

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG SỐ 1

Tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG SỐ 1 (Ban hành kèm Quyết định số/QĐ.HĐQT ngày 23/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Phát triển xây dựng số 1)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng số 1 bao gồm các qui định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và trách nhiệm các bộ phận đối với Ban kiểm soát nhằm kiểm tra giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các qui định khác có liên quan của Pháp luật.

Mọi hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát phải tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức hoạt động

Ban kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các qui định của Pháp luật, Điều lệ và các qui định của Công ty, đảm bảo hoạt động bình thường, không gây cản trở đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, không can thiệp vào những công việc ngoại vi, nhiệm vụ được giao, không trung lập về phạm vi, đối tượng, thời gian kiểm tra, thanh tra giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Mọi diễn biến và những thông tin có thu thập được trong quá trình giám sát của Ban kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở ác tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.

Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân trong phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo đầy đủ các công việc được phân công.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong qui chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“ Công ty ” là Công ty CP Đầu tư Phát triển xây dựng số 1

“ Người có liên quan ” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được qui định tại Điều lệ Công ty và các qui định của Pháp luật có liên quan.

Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Công ty cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Cơ cấu và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Công ty nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, tình trạng tài chính của Công ty. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Trưởng ban kiểm soát thực hiện theo qui định khoản 1 Điều 37 tại Điều lệ Công ty.

Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 (năm) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo qui định tại Điều lệ Công ty hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo qui định của Pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo qui định, Công ty phải tiến hành bổ sung đầy đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo qui định.

Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty.

Điều 6. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát và các qui định có liên quan thực hiện qui định tại khoản 2,3,4 Điều 34 tại Điều lệ Công ty.

2. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban kiểm soát, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng ban kiểm soát thay thế.

4. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai các lợi ích có liên quan của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Giám sát tình hình tài chính Công ty:
 - a. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản Công ty theo các nội dung sau:
 - Hoạt động đầu tư tài sản tại Công ty
 - Việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động; phát hành cổ phiếu.
 - Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty bao gồm đầu tư trong nước và đầu tư ra nước ngoài, đầu tư vào các lĩnh vực khác (nếu có); hiệu quả việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty.
 - Việc quản lý tài sản, công nợ, khả năng thanh toán nợ.
 - b. Giám sát bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
 - c. Giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty theo các nội dung:
 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
 - Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của công ty, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
8. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

9. Đề xuất lực chọn Công ty kiểm toán độc lập và mọi vấn đề liên quan; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và vi phạm kiểm toán trước khi bắt đầu công việc.

10. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng qui định tại Điều lệ Công ty hoặc có quyết định vượt thẩm quyền được giao hoặc có các quyết định khác gây hậu quả lớn về vật chất, tài chính, uy tín của Công ty.

11. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban kiểm soát

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo qui định tại Qui chế này và Điều lệ Công ty;

Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa họp Ban kiểm soát;

2. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

3. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo qui định tại Qui chế này và Điều lệ Công ty.

4. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

5. Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;

6. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nêu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

8. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

9. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo qui định của Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban kiểm soát.

3. Yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.

5. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

6. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị khi có ủy quyền, nhưng không được biểu quyết.

9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo các Trưởng Ban kiểm soát.

10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo qui định của Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh, công ty con và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty và công ty con làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 13. Thù lao, tiền lương và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 14: Hoạt động kiểm tra của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát tình hình tài chính trong Công ty thông qua bộ phận kế toán hoặc kiểm toán nội bộ (nếu có) của Công ty để thực hiện hoạt động kiểm tra.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

4. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Công ty.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

6. Hình thức kiểm tra, giám sát:

- Kiểm tra, giám sát từ xa.

- Kiểm tra tại chỗ: định kỳ hoặc đột xuất
- Kiểm tra giám sát sau: dựa trên báo cáo của đơn vị.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 15: Quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban kiểm soát.

Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty cho ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị theo qui định.

Điều 16. Quan hệ làm việc với Giám đốc (Tổng giám đốc)

Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình làm việc với Giám đốc (Tổng giám đốc) và hệ thống điều hành phải giữ tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Giám đốc báo cáo việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Công ty và các báo cáo khác theo định kỳ và gửi cho ban kiểm soát.

Căn cứ và báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Giám đốc (Tổng giám đốc).

Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm Pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Giám đốc (Tổng giám đốc) dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Ban kiểm soát thông báo với Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Giám đốc (Tổng giám đốc).

Điều 17. Quan hệ với cổ đông Công ty

Ban kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính trong Công ty, do đó các thành viên ban kiểm soát phải chấp hành nghiêm túc bảo mật thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến Hội đồng quản trị và cổ đông về hoạt động tài

chính của Công ty thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị củ cổ đông yêu cầu đối với ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của qui chế này bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong một cuộc họp được triệu tập hợp pháp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp những qui định của Điều lệ Công ty và Pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những qui định mới của Điều lệ Công ty và Pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những qui định của Điều lệ Công ty và Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 19. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 5 (năm) chương, 19 (mười chín) Điều, được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2021.

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quy chế này đều hết hiệu lực thi hành.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT